

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh được thực hiện trong bối cảnh suy giảm kinh tế thế giới cuối năm 2019 và ảnh hưởng của dịch Covid-19, đã tác động bất lợi đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam; đẩy nền kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng suy thoái, tác động dây chuyền và có nguy cơ dẫn tới các cuộc khủng hoảng về năng lượng, chuỗi cung ứng, tài chính, tiền tệ...; song, với sự chủ động, tích cực, linh hoạt, sáng tạo trong công tác phòng, chống dịch, đến nay Việt Nam đã không chế được dịch Covid-19, thực hiện bãi bỏ giãn cách xã hội và từng bước khôi phục các hoạt động kinh tế - xã hội.

Đôi với tình ta, trước diễn biến và tác động của dịch Covid-19, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh luôn quán triệt, tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, nghiêm túc, kịp thời, linh hoạt các chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của ngành y tế về công tác phòng, chống dịch bệnh, với nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu là bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe của Nhân dân, ổn định xã hội, giảm thiểu thiệt hại đối với nền kinh tế; đồng thời, chủ động, kịp thời thực hiện có hiệu quả các giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiếp tục duy trì và sớm phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh, tận dụng cơ hội sau khi hết dịch, nỗ lực phấn đấu để thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 đã đề ra. Kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2020 trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về tăng trưởng kinh tế và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực chủ yếu

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 3,7%, tuy thấp hơn cùng kỳ những năm gần đây¹, nhưng là mức tăng trưởng khá trong bối cảnh chịu tác động nặng nề của dịch Covid-19; trong đó: ngành nông, lâm, thủy sản tăng 2,9%; công nghiệp - xây dựng tăng 7,45%; dịch vụ giảm 1,66%; thuế sản phẩm tăng 1,98%. Cơ cấu ngành trong GRDP chuyển dịch theo hướng tích cực; trong đó: nông, lâm, thủy sản chiếm 14,28%,

¹ Năm 2019 tăng 22,18%; năm 2018 tăng 8,85%; năm 2017 tăng 7,32%; năm 2016 là 8,03%.

tăng 1,42%; công nghiệp - xây dựng chiếm 48,47%, giảm 0,93%; dịch vụ chiếm 27,09%, giảm 0,82%; thuế sản phẩm chiếm 10,16%, tăng 0,34%.

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản mặc dù gặp khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh trong chăn nuôi và dịch Covid-19², nhưng vẫn có bước phát triển ổn định và khá toàn diện; giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 14.421 tỷ đồng, tăng 2,91% so với cùng kỳ. Vụ đông xuân, toàn tỉnh gieo trồng được 250,8 nghìn ha, đạt 99,1% kế hoạch; sản lượng lương thực ước đạt 893,4 nghìn tấn, vượt 1% kế hoạch; hầu hết các cây trồng chính có năng suất vượt kế hoạch³. Các nhà máy đã thu mua và chế biến gần 1,1 triệu tấn mía nguyên liệu, đạt 77,4% kế hoạch; chế biến được trên 213 nghìn tấn tinh bột sắn, đạt 121% kế hoạch. Đã tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao được 5.413 ha; chuyển đổi được 2.010 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có giá trị cao hơn; các vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm⁴ tiếp tục được quan tâm phát triển.

Đã triển khai quyết liệt, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; đã khống chế được dịch tả lợn Châu Phi và cúm A/H₅N₆; ước đến 30/6, đàn trâu tăng 0,1%, đàn bò tăng 0,4%, đàn gia cầm tăng 5,3% so với cùng kỳ; sản lượng thịt hơi ước đạt 113 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ, bằng 47,1% kế hoạch, thịt gia cầm ước đạt 30,9 nghìn tấn, tăng 9,6%; đã hoàn thành tiêm phòng đợt I cho gia súc, gia cầm, vượt 3% kế hoạch.

Lâm nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, giá trị sản xuất ước đạt 1.003 tỷ đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ; trồng rừng tập trung đạt 4.545 ha, đạt 45,5% kế hoạch; công tác phòng chống cháy rừng được thực hiện quyết liệt, không xảy ra cháy rừng; an ninh rừng được giữ vững, đã phát hiện và xử lý 210 vụ vi phạm, tịch thu 87,8 m³ gỗ các loại, nộp ngân sách nhà nước 2,4 tỷ đồng. Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 3.006 tỷ đồng, tăng 7,0% so với cùng kỳ; sản lượng thủy sản ước đạt 96,4 nghìn tấn, tăng 7,2%, bằng 53,6% kế hoạch.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện; trong 6 tháng đầu năm, đã hoàn thành hồ sơ, trình Trung ương thẩm định công nhận 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Hoàng Hóa, Nga Sơn); toàn tỉnh hiện có 6 đơn vị cấp huyện, 367 xã, 937 thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân đạt 16,7 tiêu chí/xã; có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 12 thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu; có 30 sản phẩm OCOP được đánh giá xếp hạng, tăng 17 sản phẩm so với năm 2019.

1.2. Sản xuất công nghiệp mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, làm hạn chế nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực giảm mạnh so với cùng kỳ, như: hàng may mặc, giấy, tinh bột sắn, gạch lát nền, bia, thuốc lá; tuy nhiên, do hoạt

² Từ đầu năm 2020, trên địa bàn tỉnh xảy ra 08 trận giông, lốc kèm theo mưa đá, mưa lớn và 04 đợt nắng nóng.

³ Trong đó: lúa ước đạt 64,8 tạ/ha, vượt 1,3% KH; ngô 47,6 tạ/ha, vượt 4,6%; lạc 22 tạ/ha, vượt 4,6%.

⁴ Như: vùng mía nguyên liệu 17.084 ha, vùng sắn nguyên liệu 9.624 ha, vùng lúa giống 3.264 ha, vùng cây ăn quả tập trung 7.000 ha, vùng cây thức ăn chăn nuôi 6.134 ha; vùng rau củ quả các loại 4.881 ha.

động sản xuất của nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn ổn định, sản lượng tăng khá so với cùng kỳ⁵, nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn có sản phẩm mới, các sản phẩm xi măng, gạch xây, đá ốp lát, nước máy, dầu ăn... duy trì được sản xuất do ít chịu tác động của dịch bệnh, nên sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm vẫn tăng khá so với cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 66.648 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ. Lĩnh vực xây dựng có bước phát triển khá; giá trị sản xuất ước đạt 24.354 tỷ đồng, tăng 8,09% so với cùng kỳ.

1.3. Ngành dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19; các hoạt động thương mại nội địa, xuất nhập khẩu, du lịch, vận tải giảm mạnh so với cùng kỳ do thực hiện quy định về giãn cách xã hội. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 51.152 tỷ đồng, giảm 4,2% so cùng kỳ, bằng 43,3% kế hoạch; tổng giá trị xuất khẩu ước đạt 1.559 triệu USD⁶, bằng 39% kế hoạch, giảm 11,4% so với cùng kỳ; tổng giá trị hàng hoá nhập khẩu ước đạt 2.849 triệu USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ.

Hoạt động du lịch, vận tải bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch Covid-19, nên giảm mạnh so với cùng kỳ; trong 6 tháng đầu năm, lượng khách du lịch ước đạt 2,63 triệu lượt khách, bằng 23,5% kế hoạch, giảm 58,5% so với cùng kỳ (khách quốc tế đạt 18.305 lượt khách, bằng 4,6% kế hoạch, giảm 85,5%); doanh thu du lịch ước đạt 3.669 tỷ đồng, bằng 17,9% kế hoạch, giảm 55%. Vận tải ước đạt 26,6 triệu tấn hàng hóa và 18,3 triệu lượt khách; so với cùng kỳ giảm 5,7% về hàng hóa và giảm 27,6% về lượt khách; xếp dỡ hàng hóa qua cảng ước đạt 15,9 triệu tấn (qua cảng Nghi Sơn ước đạt 15,1 triệu tấn), tăng 14% so với cùng kỳ. Hãng hàng không Vietnam Airlines đã quay trở lại khai thác đường bay Thanh Hóa - Buôn Ma Thuột từ ngày 27/5/2020 với tần suất 3 chuyến khứ hồi/tuần.

Huy động vốn của các tổ chức tín dụng (không bao gồm Ngân hàng phát triển) đến ngày 31/5/2020 đạt 109.850 tỷ đồng, tăng 10,2% so với đầu năm; tổng dư nợ đạt 117.750 tỷ đồng, tăng 2,1%. Các tổ chức tín dụng đã triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Trương ương; đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ cho 2.756 khách hàng với dư nợ 7.388 tỷ đồng.

1.4. Thu ngân sách nhà nước ước đạt 14.485 tỷ đồng, bằng 50% dự toán năm và tăng 4% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 89%), trong đó thu nội địa ước đạt 8.457 tỷ đồng, bằng 43% dự toán, tương đương cùng kỳ⁷; thu xuất nhập khẩu đạt 6.028 tỷ đồng, bằng 64% dự toán, tăng 10%. Chi ngân sách nhà nước cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực.

1.5. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi

⁵ Tổng sản lượng ước đạt 3,98 triệu tấn, tăng 25,7% so với cùng kỳ.

⁶ Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: dưa chuột muối 326 tấn, tăng 46,2%; tinh bột sắn 14,8 nghìn tấn, giảm 41%; chả cá Surimi 830 tấn, gấp 3,1 lần; thuốc lá bao 1,4 triệu bao, giảm 66,4%; hàng may mặc 108,1 triệu sản phẩm, giảm 7,2%; giày dép các loại 44,8 triệu đôi, giảm 29,1%; xi măng 568 nghìn tấn, tăng gấp 2,5 lần; đá ốp lát 1.364 nghìn m², tăng gấp 2,3 lần...

⁷ Trong đó: các khoản thu về nhà, đất tăng 30%; thu phí, lệ phí tăng 6%; thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 25%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 25%; thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh giảm 12%; thuế bảo vệ môi trường giảm 8%...

trường tiếp tục được tăng cường; đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cho 25/27 huyện, thị xã, thành phố; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho 162 doanh nghiệp; thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 129 ha; cấp 06 giấy phép thăm dò khoáng sản, 15 giấy phép khai thác, 01 quyết định phê duyệt trữ lượng, phê duyệt 03 báo cáo thăm dò, khai thác khoáng sản; thu hồi, đóng cửa 02 mỏ và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 208 mỏ với số tiền nộp ngân sách nhà nước là 55,7 tỷ đồng.

Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cho các xã, phường, thị trấn. Công tác bồi thường GPMB được tập trung chỉ đạo quyết liệt; đến nay, đã hoàn thành GPMB được 611 ha, bằng 13,1% kế hoạch; các đơn vị đã ký cam kết GPMB cho 3.532 ha (chiếm 75,8% kế hoạch), đo đạc, kiểm kê 1.649 ha (chiếm 35,4%), lập phương án bồi thường 1.253 ha (chiếm 26,9%). Đã kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại 06 huyện, thị xã, thành phố; kiểm tra, giám sát môi trường tại 70 cơ sở, phát hiện, xử lý vi phạm 07 đơn vị, đình chỉ hoạt động 05 đơn vị; tổ chức giám sát về môi trường đối với nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

2. Về hoạt động đầu tư, kinh tế đối ngoại và phát triển doanh nghiệp

2.1. Tính đến ngày 12/6/2020, toàn tỉnh đã thu hút được 81 dự án đầu tư trực tiếp⁸ (10 dự án FDI), với tổng số vốn đăng ký 7.845 tỷ đồng và 298,7 triệu USD; tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Thanh Hóa năm 2020, tại hội nghị đã trao quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 19 dự án, với tổng mức đầu tư 2,4 tỷ USD và ký biên bản ghi nhớ đối với 15 dự án, với tổng mức đầu tư đăng ký 12,3 tỷ USD. Trong 6 tháng đầu năm, lãnh đạo tỉnh đã tiếp, làm việc với Đoàn công tác của Ngân hàng Thế giới, Công ty TNHH MTV Ngôi Sao Vàng, Tập đoàn ADANI (Ấn Độ); tham dự kỳ họp lần thứ 42 Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác song phương Việt Nam - Lào, Hợp tác tuyên công tác phi chính phủ người Việt Nam ở nước ngoài, Hội nghị lãnh đạo địa phương Việt Nam - Nhật Bản năm 2020 nhằm thúc đẩy thực hiện các dự án và kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2.2. Huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 62.841 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ, bằng 40% kế hoạch. Kế hoạch đầu tư công năm 2020 do tỉnh quản lý được giao chi tiết ngay từ đầu năm; các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư theo quy định, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân, nên tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đạt kết quả tích cực; giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm ước đạt 4.312 tỷ đồng, bằng 49,3% kế hoạch giao chi tiết; giải ngân đến ngày 05/6/2020 đạt 4.991 tỷ đồng, bằng 57% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ nhiều năm gần đây⁹, đứng thứ 5 cả nước về tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công.

2.3. Công tác phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực; trong 6 tháng

⁸ So với cùng kỳ, giảm 18,2% về số dự án và giảm 26,4% về số vốn đầu tư đăng ký.

⁹ Cùng kỳ năm 2016 là 42%; năm 2017 là 40%; năm 2018 là 47,4%; năm 2019 là 54,7%.

đầu năm, ước thành lập mới 1.321 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký 14.256 tỷ đồng; so với cùng kỳ, tăng 2,2% về số doanh nghiệp và 24,2% về vốn đăng ký; đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ và đứng thứ 7 cả nước về số doanh nghiệp thành lập mới; có 426 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, quay trở lại hoạt động, tăng 5,2% so với cùng kỳ. Công tác phát triển hợp tác xã được quan tâm chỉ đạo; đã thành lập mới 14 hợp tác xã, nâng tổng số hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh lên 1.027 đơn vị.

3. Về văn hóa - xã hội

3.1. Hoạt động khoa học - công nghệ đã thực hiện 170 nhiệm vụ cấp quốc gia và cấp tỉnh; đánh giá, nghiệm thu 14 nhiệm vụ; cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ cho 01 doanh nghiệp, nâng số doanh nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh lên 27 doanh nghiệp; công tác quản lý nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, tiêu chuẩn, đo lường chất lượng tiếp tục được tăng cường.

3.2. Hoạt động văn hóa, thông tin đã tập trung tuyên truyền về công tác phòng, chống dịch Covid-19, các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng, ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh¹⁰ và các hoạt động chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp; đã phê duyệt xếp hạng 08 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được duy trì; đã tổ chức 290 giải thể thao quần chúng; tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ước đạt 42,2%, tăng 1,2% so với cùng kỳ. Thể thao thành tích cao đang tích cực chuẩn bị lực lượng tham gia các giải thể thao trong nước và quốc tế.

3.3. Ngành giáo dục và đào tạo đã tập trung thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; triển khai dạy học qua internet và trên truyền hình nhằm đảm bảo chương trình, củng cố kiến thức cho học sinh trong thời gian phải nghỉ học do phòng, chống dịch; thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học học kỳ II năm học 2019 - 2020 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chuẩn bị các điều kiện để tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2020 và tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2020 - 2021; trong 6 tháng đầu năm, có thêm 15 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên 73,2%; đã thực hiện rà soát, giảm 12 trường tiểu học, THCS theo kế hoạch.

3.4. Ngành Y tế đã chủ động tham mưu, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh theo đúng chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và hướng dẫn của Bộ Y tế; triển khai thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, tăng cường ứng dụng kỹ thuật mới vào chẩn đoán và điều trị, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; công tác y tế dự phòng được tăng cường; đã kiểm tra 31 cơ sở kinh doanh thuốc, thiết bị vật tư y tế, xử lý vi phạm 08 cơ sở; thực hiện thanh tra, kiểm tra 50 cơ sở về chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, phát hiện và xử lý 9 cơ sở vi phạm.

3.5. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được quan tâm chỉ đạo

¹⁰ Như: kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng; kỷ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 90 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa; kỷ niệm 60 năm Ngày kết nghĩa giữa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam.

thực hiện; đã quyết việc làm cho 16.500 lao động (xuất khẩu 3.100 lao động); giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 7.123 người, tăng 76,2%. Các chính sách an sinh xã hội và các chế độ, chính sách với người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời; đã tổ chức chi trả kinh phí hỗ trợ cho trên 700.000 đối tượng (người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội) gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Công tác cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy

4.1. Đã hoàn thành hồ sơ, thủ tục, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị được tích cực triển khai thực hiện. Đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế cho 576 người; phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho một số đơn vị sự nghiệp công lập¹¹ và vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo cơ chế tự chủ giai đoạn 2020 - 2022; điều động, bổ nhiệm 955 cán bộ công an chính quy về đảm nhận các chức danh ở 525 đơn vị công an xã và thị trấn trên địa bàn tỉnh.

4.2. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh; đã thực hiện quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính chuyển từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được tăng cường chỉ đạo thực hiện; đến nay, có khoảng 97% cơ quan nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, gửi nhận văn bản điện tử có chữ ký số; 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện đã thực hiện việc tiếp nhận và xử lý, giải quyết các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến trên địa bàn tỉnh mức độ 3 đạt 57,1%, mức độ 4 đạt 50%.

5. Về quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; thanh tra, tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; các lực lượng vũ trang nắm chắc tình hình tuyến biên giới, trên biển và các địa bàn trọng điểm, chủ động xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ; phối hợp chặt chẽ với ngành y tế triển khai kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; hoàn thành kế hoạch giao quân đợt 1 năm 2020 với 3.552 quân nhân; tổ chức huấn luyện bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch; chuẩn bị các điều kiện để xây dựng kế hoạch B.

Lực lượng công an đã mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, trong đó tập trung vào tội phạm có tổ chức, buôn bán ma

¹¹ Gồm: Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương.

túy, cờ bạc, sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép các loại pháo, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tăng cường lực lượng xuống cơ sở, chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện và đấu tranh ngăn chặn, triệt xóc các băng, ổ nhóm tội phạm. Trong 6 tháng đầu năm, đã phát hiện 863 vụ, 1.502 đối tượng phạm tội về trật tự xã hội; 340 vụ, 468 đối tượng phạm tội ma túy; 250 vụ, 270 đối tượng phạm tội về kinh tế, tham nhũng và buôn lậu; phá 02 chuyên án lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng xã hội Facebook, 06 chuyên án về ma túy. Công tác đảm bảo an toàn giao thông có chuyển biến tích cực, giảm cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ; trên địa bàn tỉnh xảy ra 248 vụ tai nạn giao thông, làm chết 71 người, bị thương 205 người, so với cùng kỳ giảm 13,6% về số vụ, 22,8% số người chết và 21,2% số người bị thương.

Công tác thanh tra được tăng cường; đã tổ chức 326 cuộc thanh tra hành chính, chuyên ngành, phát hiện sai phạm 26,8 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 16,3 tỷ đồng. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng thực hiện; đã tập trung giải quyết nhiều vụ khiếu nại đông người, phức tạp. Chất lượng xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý từng bước được nâng lên.

Đánh giá chung, mặc dù dịch Covid-19 có diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực tới mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội; song, với sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và sự ủng hộ, đồng thuận của Nhân dân, tỉnh ta đã vượt qua khó khăn, đạt được những kết quả rất tích cực; nổi bật là: (1) đã kiểm soát tốt dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh và được xếp vào nhóm các tỉnh có “nguy cơ thấp”; (2) tăng trưởng GRDP tuy chỉ đạt 3,7%, nhưng là mức tăng trưởng khá trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 và cao nhất so với các tỉnh Bắc Trung Bộ; nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng vẫn tăng so với cùng kỳ, như: giá trị sản xuất công nghiệp (tăng 7,3%), thu ngân sách nhà nước (tăng 4%), thu hút FDI tăng cả về số dự án và vốn đăng ký, thành lập mới doanh nghiệp (tăng 2,2%), huy động vốn đầu tư phát triển (tăng 9,7%); tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công cao hơn cùng kỳ, đứng thứ 05 cả nước; (3) đã tập trung chỉ đạo đổi mới quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính, chuyển từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; (4) các chính sách an sinh xã hội được thực hiện thực thực hiện; kịp thời chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng người có công với cách mạng, hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Chính phủ; (5) mặc dù còn nhiều nguy cơ gây mất ổn định, nhưng tình ta đã tập trung chỉ đạo và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Ngành dịch vụ tăng trưởng âm so với cùng kỳ (-1,66%) do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19; một số chỉ tiêu quan trọng của ngành dịch vụ giảm với cùng kỳ, như: tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, giá trị xuất khẩu, lượng khách và doanh thu du lịch, vận tải hàng hóa, hành khách. Một

số sản phẩm công nghiệp chủ lực có sản lượng đạt thấp so với kế hoạch và cùng kỳ, như: đường kết tinh, tinh bột sắn, bia, thuốc lá, quần áo. Tổng đàn lợn giảm 2,5% so với cùng kỳ do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi.

2. Một số nguồn thu ngân sách nhà nước giảm so với cùng kỳ, gồm: thu ngân sách khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thuế bảo vệ môi trường. Nợ đọng thuế còn diễn ra, nhất là nợ đọng tiền sử dụng đất; một số nhà đầu tư chưa tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo hợp đồng đã ký kết; tính đến ngày 05/6/2020, còn 09 dự án còn nợ đọng tiền sử dụng đất với số tiền 478 tỷ đồng, trong đó một số dự án có số tiền nợ đọng lớn như: Khu đô thị Núi Long kết hợp khu tái định cư phục vụ GPMB đường vành đai Đông Tây (184,2 tỷ đồng); Khu đô thị sinh thái 2 bên bờ sông Đơ (142 tỷ đồng)...

3. Một số dự án đầu tư trực tiếp, đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) có tiến độ thực hiện còn chậm¹², nhưng chưa có nhiều chuyển biến. Nhiều dự án có số dư vốn tạm ứng lớn, kéo dài trong nhiều năm¹³, nhưng tiến độ thực hiện chậm, chưa có khối lượng hoàn ứng. Kết quả thực hiện kế hoạch GPMB đạt thấp so với kế hoạch; đến nay, mới hoàn thành GPMB được 611,09 ha, đạt 13,12% kế hoạch.

4. Một số chỉ số thành phần của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ hạng thấp (Chỉ số PCI năm 2019 xếp thứ 24); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giảm thứ hạng so với năm 2018 (năm 2018 xếp thứ 11; năm 2019 xếp thứ 28); Chỉ số cải cách hành chính xếp thứ hạng thấp so với các tỉnh, thành phố (43/63).

5. Thiên tai, dịch bệnh đã làm giảm năng suất cây trồng, vật nuôi, ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Ô nhiễm môi trường tại một số cơ sở sản xuất, các bãi chôn lấp chất thải rắn, trên sông còn diễn ra ở một số địa phương¹⁴. Tình trạng khai thác, vận chuyển, tập kết khoáng sản trái phép, không phép còn xảy ra, nhưng chưa được ngăn chặn, xử lý kịp thời.

6. Việc thực hiện các biện pháp ly, giãn cách xã hội để phòng, chống dịch Covid-19 đã làm nhiều hoạt động văn hóa, lễ hội, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao bị hoãn, hủy; học sinh, sinh viên phải nghỉ học dài ngày đã ảnh hưởng đến chương trình, kế hoạch dạy và học của các trường; nhiều lao động phải giảm

¹² Dự án PPP gồm: quảng trường biển, trục cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn; bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử thái miếu nhà Hậu Lê; các dự án đầu tư trực tiếp gồm: khai thác cảng và dịch vụ dầu khí tổng hợp tại KKT Nghi Sơn; nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn; trạm dừng nghỉ và dịch vụ hậu cần quốc tế Nghi Sơn; trung tâm dưỡng lão tại xã An Hưng, TP. Thanh Hóa; nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điền tại KCN Bim Sơn; một số dự án thương mại, dịch vụ dọc hai bên tuyến đường tránh Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Nguyệt Viên đến cầu Ba Gian và khu vực phường Quảng Thành, TP. Thanh Hóa.

¹³ Đến ngày 05/6/2020, có 38 dự án có số dư tạm ứng từ 05 tỷ đồng trở lên, với tổng số vốn tạm ứng là 1.474 tỷ đồng, chiếm 93% tổng số vốn tạm ứng toàn tỉnh. Một số dự án có số dư vốn tạm ứng lớn, kéo dài nhiều năm, như: đường nội thị xã Sầm Sơn đi KKT Nghi Sơn - GD 1 (dự ứng 378,9 tỷ đồng); đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây KKT Nghi Sơn (dự ứng 218,2 tỷ đồng); đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn (dự ứng 304,7 tỷ đồng)...

¹⁴ Như: ô nhiễm tại các cơ sở tái chế bao bì tại xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn; ô nhiễm trên sông Bền Ngự và sông Quảng Châu đoạn chảy qua thành phố Thanh Hóa...

thời gian làm việc hoặc dừng hợp đồng lao động không hưởng lương, thậm chí buộc phải nghỉ việc, tác động trực tiếp đến đời sống của người lao động; số lao động được giải quyết việc làm mới đạt thấp so với kế hoạch và giảm mạnh so với cùng kỳ¹⁵. Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp có xu hướng giảm; số nợ bảo hiểm gia tăng so với cuối năm 2019¹⁶. Công tác chi trả kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 ở một số địa phương còn xảy ra sai sót, chưa đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh.

7. Năng lực nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển; việc ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu còn hạn chế. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn. Di cư tự do, hoạt động tôn giáo trái phép, tội phạm ma túy trên tuyến biên giới, khiếu kiện kéo dài, khiếu kiện đông người, vượt cấp còn diễn ra.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đã tác động tiêu cực đến các mặt của đời sống kinh tế, xã hội; một số quy định của pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa đồng bộ, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, quy hoạch, đất đai, môi trường; một số lĩnh vực chậm hướng dẫn thi hành, gây khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện¹⁷; song, nguyên nhân chủ yếu vẫn là do công tác quản lý nhà nước của một số sở, ngành, địa phương còn thiếu quyết liệt, chưa sâu sát, cụ thể, chưa xác định được nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; thiếu chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện, nên hiệu quả chưa cao; công tác phối hợp giải quyết công việc ở một số ngành, địa phương, đơn vị có lúc, có việc còn thiếu chặt chẽ, chưa kịp thời; một số cơ quan, đơn vị chưa làm tốt công tác quản lý, giáo dục, kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện nhiệm vụ của một số sở, ngành, đơn vị chưa nghiêm, còn có biểu hiện gây khó khăn, phiền hà, cản trở hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Dự báo những tháng cuối năm 2020, hầu hết các tổ chức quốc tế đều bi quan về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng của dịch Covid-19¹⁸. Các dự báo đều cho rằng, mức độ ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội phụ thuộc

¹⁵ Sáu tháng đầu năm giải quyết việc làm mới cho 16.500 lao động, đạt 22,7% KH, giảm 35,1% so với cùng kỳ.

¹⁶ Đến hết tháng 4/2020, toàn tỉnh có 10.041 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham gia BHXH với 371.640 người tham gia, giảm 13.630 người so với đầu năm; số doanh nghiệp nợ BHXH từ 03 tháng trở lên là 2.211 doanh nghiệp, với số tiền nợ 338,8 tỷ đồng (tăng 778 doanh nghiệp và tăng 69,1 tỷ đồng so với đầu năm).

¹⁷ Các quy định và văn bản hướng dẫn liên quan đến Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư.

¹⁸ Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng âm (-3%) trong năm 2020, trong đó có tới 90% các nền kinh tế có tăng trưởng âm và 69% rơi vào suy thoái trong năm 2020, cao hơn cả thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 - 2009. UNDESA dự báo kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng âm (-1%) trong năm 2020. WTO dự báo thương mại toàn cầu có thể giảm từ 13% - 32% trong năm 2020. Dòng vốn FDI toàn cầu dự báo sụt giảm từ 30 - 40% trong giai đoạn 2020 - 2021.

vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và cách thức ứng phó với dịch bệnh của các nước; dịch bệnh càng kéo dài, ảnh hưởng và tác động đến kinh tế - xã hội càng trở nên trầm trọng và có phạm vi rộng hơn, nguy cơ khủng hoảng toàn cầu là hiện hữu. Tuy nhiên, các tổ chức quốc tế cũng cho rằng, tác động của dịch bệnh có thể mang lại sự thay đổi và tạo ra các cấu trúc mới, trật tự mới, nhu cầu mới, xu hướng phát triển mới, kèm với những cơ hội và động lực mới cho tăng trưởng; các quốc gia sẽ tìm cách giảm thiểu sự phụ thuộc vào một thị trường, làm thay đổi thương mại toàn cầu.

Ở trong nước, quan hệ đối ngoại và uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng lên nhờ sự hiệu quả trong công tác phòng, chống dịch và những chia sẻ, hỗ trợ, hợp tác quốc tế để ứng phó với dịch Covid-19; quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia dự báo có một số điểm sáng, như: nhiều mặt hàng của Việt Nam, trong đó có trang thiết bị y tế, gạo, nông sản... có nhiều cơ hội thâm nhập vào các thị trường mới; Việt Nam có cơ hội trở thành thị trường thay thế trong bối cảnh nguồn cung từ thị trường Trung Quốc bị gián đoạn. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh đang diễn biến rất phức tạp ở nhiều quốc gia, sẽ gây khó khăn cho quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước; việc tiếp tục thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, đóng cửa biên giới các quốc gia, vùng lãnh thổ sẽ ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam với các đối tác trong thời gian tới, đặc biệt là những nước đang chịu tác động mạnh mẽ bởi dịch Covid-19 như Mỹ, Châu Âu.

Trên cơ sở phân tích bối cảnh tình hình thế giới, trong nước, cùng với những khó khăn, thách thức xuất phát từ những hạn chế, yếu kém trong nội tại kinh tế của tỉnh chưa được khắc phục và đánh giá khách quan tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020; để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2020 là 12,5% theo Nghị quyết số 224/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, thì tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng cuối năm phải đạt 19,65% trở lên. Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh còn diễn biến hết sức phức tạp, các ngành kinh tế đã và đang chịu thiệt hại nặng nề của dịch Covid-19, việc hoàn thành mục tiêu nêu trên là không khả thi. Tuy nhiên, do chưa xác định được thời điểm hết dịch và chưa đủ cơ sở để phân tích, đánh giá chính xác tác động của dịch Covid-19 đến kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, nên UBND tỉnh không đề xuất HĐND tỉnh điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2020. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra từ đầu năm; đồng thời, tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, sáng tạo, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách nhằm hạn chế tác động của dịch Covid-19, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 ở mức cao nhất.

Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 12% theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, thì tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2020 phải đạt 10% trở lên; do đó, tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng cuối năm 2020 phải đạt 15,7% trở lên. Đây

là mục tiêu có tính phấn đấu rất cao, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự nỗ lực, cố gắng lớn và quyết tâm chính trị cao nhất của các cấp, các ngành; sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

I. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng cuối năm phải đạt 15,7% trở lên¹⁹, trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 3,2%; công nghiệp - xây dựng tăng 19,1%; dịch vụ tăng 11,3%; thuế sản phẩm tăng 28,8%.

2. Sản lượng lương thực đạt 606,6 nghìn tấn (KH là 1.500 nghìn tấn).

3. Kim ngạch xuất khẩu đạt 2.441 triệu USD (KH là 4.000 triệu USD).

4. Huy động vốn ĐTPT đạt 94.159 tỷ đồng (KH là 157.000 tỷ đồng).

5. Thu ngân sách nhà nước đạt 14.482 tỷ đồng (KH là 28.967 tỷ đồng).

6. Thêm 02 huyện, 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (KH là 02 huyện, 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).

7. Thành lập mới 1.679 doanh nghiệp (KH là 3.000 doanh nghiệp).

8. Giải quyết việc làm cho 52.500 lao động (KH là 69.000 lao động).

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh

1.1. Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh; chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó với dịch bệnh theo các cấp độ, trọng tâm là thực hiện quyết liệt, có hiệu quả công tác giám sát các đối tượng đến từ vùng dịch hoặc địa phương có dịch, phát hiện sớm, kịp thời khoanh vùng, cách ly, điều trị và thực hiện các biện pháp dập dịch, tiêu độc, khử trùng theo quy định; tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác trong phòng, chống dịch, không để dịch bệnh lây lan thứ phát ra cộng đồng.

1.2. Báo Thanh Hóa, Báo Văn hóa và Đời sống và các cơ quan báo chí Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã tiếp tục ưu tiên thời lượng, tin bài thông tin về diễn biến và tuyên truyền các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 vào các “khung giờ vàng”; tuyên truyền kịp thời tương ứng với cấp độ dịch bệnh nhằm nâng cao ý thức cảnh giác và hiệu quả giám sát xã hội của người dân.

¹⁹ Trường hợp mục tiêu tăng trưởng 6 tháng cuối năm đạt 15,7%, thì tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2020 ước đạt 10,3%, trong đó: nông lâm, thủy sản tăng 3,1%, công nghiệp - xây dựng tăng 13,9%; dịch vụ tăng 6%; thuế sản phẩm tăng 15,5%.

2. Theo dõi sát tình hình sản xuất kinh doanh; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

2.1. Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Mùa 2020, trong đó nghiên cứu điều chỉnh cơ cấu cây trồng theo hướng tăng diện tích sản xuất các loại cây trồng có khả năng tiêu thụ nội địa tốt. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; thúc đẩy liên kết, tổ chức sản xuất theo hình thức cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng công nghệ cao; cơ giới hoá trong các khâu sản xuất, gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Tiếp tục kiểm soát chặt dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, không để tái phát dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm A/H₅N₆ trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt công tác tăng đàn, tái đàn lợn; tập trung hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi để nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án chăn nuôi lớn trên địa bàn tỉnh.

Đẩy nhanh tiến độ trồng rừng; thúc đẩy việc cấp chứng chỉ rừng FSC; triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác phòng chống cháy rừng. Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP; tăng cường công tác quản lý giống thủy sản, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các vi phạm trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Rà soát các phương án phòng chống lụt bão; đẩy nhanh tiến độ các công trình hồ đập, đề điều phục vụ phòng chống lụt bão.

Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, xem xét công nhận huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định; đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phấn đấu có thêm ít nhất 01 sản phẩm được xếp hạng OCOP cấp quốc gia, 10 sản phẩm xếp hạng OCOP cấp tỉnh, 3 sản phẩm OCOP cấp huyện.

2.2. Tăng cường nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, nhất là nhóm doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực có đóng góp lớn cho tăng trưởng, thu ngân sách, giải quyết việc làm, như nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, luyện cán thép, dầu ăn, các nhà máy xi măng, thủy điện, may mặc, giày da để chủ động hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tập trung vào các vấn đề liên quan đến GPMB, giao đất, cho thuê đất, nguồn vốn, nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ, lao động, nhập cảnh của các chuyên gia, cấp điện, cấp nước, tạo thuận lợi cho đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch cả năm ở mức cao nhất; hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn hoạt động ổn định; khuyến khích các doanh nghiệp có thuận lợi về thị trường tiêu thụ tiếp tục tăng sản lượng để bù đắp cho các sản phẩm không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Đôn đốc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án của doanh nghiệp, trọng tâm là các dự án sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ quy mô lớn, chất lượng cao, dự án của nhà đầu tư nước ngoài và các dự án dự kiến hoàn thành đưa vào hoạt động năm 2020, như: Nhiệt điện Nghi Sơn 2, thủy điện Hồi Xuân, dây chuyền 3 xi măng Long Sơn, thép Nghi Sơn, nhà máy giày xuất khẩu Kim Việt.

2.3. Theo dõi sát diễn biến thị trường để có phương án phân phối, đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, đặc biệt quan tâm đến các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp do các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sản xuất để kích thích sản xuất. Đẩy mạnh chương trình quảng bá, xúc tiến thương mại, trong đó cần tập trung cao cho thị trường trong nước; hỗ trợ các doanh nghiệp đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết để gia tăng xuất khẩu. Xây dựng và triển khai các chương trình kích cầu du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch Thanh Hóa gắn với chủ đề “Thanh Hóa - điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn”. Vận động, hỗ trợ các hãng hàng không mở mới các đường bay đi/đến Cảng hàng không Thọ Xuân; tạo điều kiện thuận lợi để các hãng vận tải lớn trong và ngoài nước, các doanh nghiệp logistics có thương hiệu thành lập trụ sở, mở chi nhánh tại Thanh Hóa và mở các tuyến vận tải container quốc tế qua cảng Nghi Sơn. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng và trường hợp lợi dụng tình hình dịch bệnh để đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý, gây mất ổn định thị trường.

1.4. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các chính sách tiền tệ, theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020; triển khai mạnh mẽ chính sách hỗ trợ riêng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân, thực hiện cơ cấu lại nợ (khoanh nợ, giãn nợ, miễn giảm lãi vay), tiếp tục cho vay mới với lãi suất ưu đãi cho người dân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch để phục hồi sản xuất, kinh doanh; tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng

3.1. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, trọng tâm là thực hiện xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo từ ngày 01/9/2020 trở đi, 100% văn bản, hồ sơ công việc từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử; tiếp tục đẩy mạnh việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh và nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các khu chức năng, quy hoạch nông thôn, nhất là trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn, KKT Nghi Sơn, làm cơ sở quản lý và thu hút đầu tư.

Các cấp, các ngành, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp; tham mưu, nâng cao chất lượng, hiệu quả các buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ hàng tháng của Chủ tịch UBND tỉnh. Tiếp tục rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính để doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ các dự án; đối với các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư, trong quá trình thẩm tra, thẩm định các dự án, thực hiện cắt giảm tối thiểu 30% thời hạn giải quyết đối với các thủ tục có thời hạn giải quyết dưới 15 ngày, cắt giảm tối thiểu 50% thời hạn giải quyết đối với các thủ tục có thời hạn trên 15 ngày.

3.2. Khẩn trương rà soát, tổng hợp danh mục dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư; trên cơ sở đó, chỉ đạo các cấp, các ngành rà soát, triển khai thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm và cam kết của tỉnh về mặt bằng, thủ tục hành chính, cấp điện, cấp nước, hạ tầng đến chân hàng rào dự án..., tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư sớm triển khai thực hiện các dự án, nhất là các dự án đã được trao quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư tại Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Thanh Hóa năm 2020; đối với các dự án đã được ký biên bản ghi nhớ đầu tư, các cấp, các ngành theo nhiệm vụ được phân công, chủ động làm việc, hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định, nhất là các vấn đề liên quan đến quy hoạch, đấu thầu, chấp thuận chủ trương đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Các cấp, các ngành tiếp tục tập trung cao cho hoạt động kêu gọi, xúc tiến đầu tư, tập trung vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, tạo tác động lan tỏa cho ngành công nghiệp, như: sản phẩm sau lọc hóa dầu, công nghiệp điện tử, ô tô, dược phẩm, sản xuất các chế phẩm sinh học; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp phụ trợ ngành may, giày da; sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản.

3.3. Khẩn trương hoàn thành giao kế hoạch chi tiết toàn bộ số vốn năm 2020 còn lại chưa phân bổ. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư công năm 2020, phấn đấu hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công trước ngày 30/11/2020 theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 16/3/2020; kiên quyết điều chuyển vốn năm 2020 của các dự án có tiến độ thực hiện chậm, tỷ lệ giải ngân không đảm bảo theo quy định để bố trí cho các dự án có tiến độ thực hiện nhanh nhưng còn thiếu vốn. Tập trung cao độ cho công tác chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án dự kiến khánh thành chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, gồm: dự án đường nối Sầm Sơn với KKT Nghi Sơn, đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, Đại lộ Đông - Tây TP Thanh Hóa, các dự án đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án trọng điểm đường từ thành phố Thanh Hóa đi Cảng hàng không Thọ Xuân và tích cực chuẩn bị các điều kiện để khởi công chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tăng cường quản lý, thu hồi vốn tạm ứng, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu và đẩy mạnh áp dụng đấu thầu qua mạng, xử lý nghiêm các đơn vị vi phạm.

3.4. Tiếp tục đấu môi chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương và các nhà tài trợ để hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục đầu tư các dự án ODA, trọng tâm là dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, dự án xây dựng hệ thống cấp nước thô chuỗi đô thị dọc QL 47, thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, tạo điều kiện bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển; hoàn chỉnh và sớm phê duyệt kế hoạch đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư năm 2020. Chủ động hoàn thành hồ sơ, thủ tục, đẩy nhanh tiến độ giải ngân đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ ngân sách Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn kích cầu đầu tư từ ngân sách Trung ương (nếu có).

4. Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thu chi ngân sách, phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020; tăng cường quản lý chi ngân sách địa phương

4.1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp điều hành tài chính - ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2020 tại Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp khai thác nguồn thu ngân sách trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020.

4.2. Khẩn trương thực hiện các trình tự, thủ tục khai thác quỹ đất và bán tài sản trên đất tại các cơ sở nhà đất là trụ sở làm việc của các cơ quan còn dôi dư trên địa bàn thành phố Thanh Hóa; rà soát các dự án nợ tiền sử dụng đất để đôn đốc các đơn vị nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định; rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ năm 2020 để đề xuất phương án giãn, hoãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, dành nguồn để thực hiện những nhiệm vụ chi cấp bách, bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển và bù hụt thu ngân sách các cấp.

4.3. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp quản lý thuế, tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; kiên quyết thu hồi các khoản nợ đọng thuế, nhất là các khoản nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Rà soát các nguồn thu trên địa bàn, tập trung khai thác các nguồn thu mới, nguồn thu vĩnh lai, các nguồn thu có khả năng thu vượt so với dự toán để bù đắp cho các khoản hụt thu do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

4.4. Tăng cường công tác giám sát, quản lý hải quan, giải quyết kịp thời vướng mắc, thông quan nhanh hàng hóa xuất, nhập khẩu; chủ động làm việc với các nhà đầu tư để xúc tiến hoạt động xuất, nhập khẩu qua Cảng Nghi Sơn, kêu gọi các nhà đầu tư xuất nhập khẩu qua cảng nhằm tăng thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu.

4.5. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước các cấp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; tập trung rà soát, thực hiện cắt giảm chi thường xuyên ở các cấp ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết trong dự toán năm 2020 để có nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 và thực hiện các nhiệm vụ cấp bách.

5. Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025

5.1. Khẩn trương hoàn chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đảm bảo chất lượng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiếp tục rà soát, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoàn thiện Đề án xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổng hợp, hoàn chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2021, báo cáo HĐND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định. Ngay sau khi tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị xây dựng các chương trình trọng tâm, khâu đột phá để tổ chức thực hiện thực hiện.

5.1. Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động đấu mối với các Bộ, ngành Trung ương để đưa các công trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực mà tỉnh Thanh Hóa có thế mạnh hoặc các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, y tế, giáo dục và các dự án đầu tư lớn, trọng điểm vào quy hoạch, chương trình hành động và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do các Bộ, ngành Trung ương quản lý để triển khai thực hiện trong giai đoạn tới.

5.3. Đấu mối chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tranh thủ tối đa các nguồn vốn trong quá trình xây dựng, bảo vệ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2021 và kế hoạch tài chính 05 năm 2021 - 2025; kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

6. Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai

6.1. Hoàn thành công tác lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2020; hoàn thiện phương án quy hoạch phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo từng loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, vùng liên huyện, làm cơ sở hoàn thiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn; kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, tập kết, vận chuyển khoáng sản trái phép, nhất là hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông; đẩy nhanh tiến độ thực hiện thăm dò, xác định trữ lượng, cấp quyền khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

6.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường, nhất là các cơ sở sản xuất, bãi rác thải tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các làng nghề, lưu vực sông; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp gây ô nhiễm môi trường. Tổ chức triển khai có hiệu quả phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường.

6.3. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ GPMB thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch GPMB năm 2020 theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác ký cam kết GPMB giữa chủ đầu tư, nhà đầu tư với UBND các huyện, thị xã, thành phố; tập trung cao cho công tác giải phóng mặt bằng dự án đường cao tốc Bắc Nam đoạn qua địa phận tỉnh Thanh Hóa, đường dây 500 KV đấu nối nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện quốc gia, dự án đường ven biển, các dự án trên địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn, thành phố Sầm Sơn...

7. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; quan tâm đến công tác giải quyết việc làm; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội

7.1. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ khoa học và công nghệ, thúc đẩy việc ứng dụng và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, góp phần tạo ra các sản phẩm, hàng hóa chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về công nghệ, an toàn bức xạ hạt nhân, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

7.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các sự kiện lớn của Trung ương, của tỉnh, nhất là các hoạt động tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; tăng cường tuyên truyền về công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới và công tác phòng, chống bão lụt, cháy rừng. Tăng cường quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là công tác quản lý di sản, hoạt động biểu diễn nghệ thuật, quảng cáo. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích, lịch sử gắn với phát triển du lịch. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đào tạo vận động viên; củng cố lực lượng, chuẩn bị tốt điều kiện để các vận động viên tham dự các giải đấu quốc gia và quốc tế đạt kết quả tốt nhất.

7.3. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2019 - 2020 theo quy định; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2019 - 2020 và kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2020 - 2021 đảm bảo nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế; triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ năm học 2020 - 2021; đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; thực hiện sắp xếp các trường học theo kế hoạch; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh tình trạng lạm thu đầu năm học, dạy thêm, học thêm trái quy định.

7.4. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khám, chữa bệnh tại các bệnh viện; nâng cao chất lượng hoạt động ở tuyến y tế cơ sở; tăng cường ứng dụng các kỹ thuật cao vào chẩn đoán và điều trị bệnh; tiếp tục triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ tại các bệnh viện công lập. Tăng cường công tác y tế dự phòng, giám sát phòng, chống dịch mùa hè; thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng, quản lý phòng khám tư nhân,

phòng chống thuốc giả; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

7.5. Tiếp tục thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho các nhóm đối tượng người lao động, người sử dụng lao động và hộ kinh doanh gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo đầy đủ, chính xác, khách quan và công bằng. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động; tăng cường tư vấn, kết nối người lao động và người sử dụng lao động; tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp khôi phục sản xuất, tạo thêm việc làm mới cho người lao động, nhất là người lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19; nắm bắt tình hình đời sống của nhân dân để có phương án cứu trợ kịp thời.

8. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiếp tục thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; tập trung giải quyết có hiệu quả khiếu nại, tố cáo

8.1. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện khẩn trương, kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương. Thành lập các đoàn kiểm tra các ngành, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy rừng, giải phóng mặt bằng, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, GPMB, thực hiện các dự án đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, các dự án giao đất, cho thuê đất, thực hiện các thủ tục đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công, thu chi ngân sách nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành tại các ngành, địa phương, triển khai thực hiện các dự án khánh thành, khởi công chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016, Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

8.2. Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập trung chỉ đạo đổi mới quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính chuyên từ môi trường làm việc giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã để từ ngày 01/7/2020 trở đi, 100% văn bản, hồ sơ công việc của UBND cấp huyện và từ ngày 01/9/2020 trở đi, 100% văn bản, hồ sơ công việc của UBND cấp xã được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử.

8.3. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ; xây dựng đề án sắp xếp, tổ

chức lại đơn vị sự nghiệp công lập, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị sau khi Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp công tác cán bộ ngay sau khi hoàn thành Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

8.3. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, xử lý sau thanh tra; tập trung giải quyết có hiệu quả đơn thư, khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc tồn đọng, kéo dài, gây bức xúc trong Nhân dân; giảm các hoạt động thanh tra, kiểm tra trong thời kỳ dịch bệnh, không thanh tra ngoài kế hoạch, chuyển từ phương pháp tiền kiểm sang hậu kiểm nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất kinh doanh.

9. Củng cố quốc phòng - an ninh; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Các lực lượng vũ trang chủ động nắm chắc tình hình để kịp thời xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; bảo vệ tuyệt đối an toàn trong Đại hội Đảng bộ các cấp và các sự kiện lớn của tỉnh. Chủ động lực lượng, sẵn sàng tham gia phòng, chống thiên tai, cháy rừng khi có tình huống xảy ra. Thực hiện tốt công tác diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh, hậu cần kỹ thuật cho các đối tượng.

Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm công nghệ cao, can dự vào các hoạt động kinh tế, xã hội, tín dụng đen, cờ bạc, ma túy; chủ động nắm chắc tình hình ở cơ sở, thực hiện đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý nghiêm các đối tượng kích động biểu tình, tập trung đông người trái pháp luật, đình công tại các doanh nghiệp, gây rối an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh, không để phát sinh thành điểm nóng; ngăn chặn, kiểm soát người dân xuất cảnh trái phép ra nước ngoài làm thuê; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông, chống lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè và phòng chống cháy nổ, nhất là các khu vực có nguy cơ cao. Xử lý kịp thời, hiệu quả các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc./.

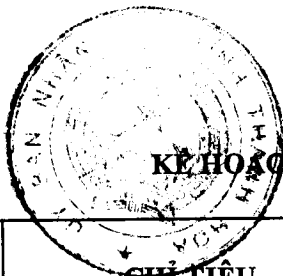
Nơi nhận:

- VP Chính phủ, VPQH, VPCTN (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Thanh Hóa;
- Các ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng



Biểu số 1:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2019	KH năm 2020	Ước TH 6 tháng năm 2020	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
A	CHỈ TIÊU TỔNG HỢP						
I	Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	53,312.0	133,816.0	55,286.9	103.70	41.3
I	Giá trị tăng thêm (VA)	Tỷ đồng	47,558.8	119,728.0	49,419.8	103.91	41.3
a	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	7,396.1	15,018.0	7,610.8	102.90	50.7
-	Nông nghiệp	"	5,704.6	11,545.0	5,808.4	101.82	50.3
-	Lâm nghiệp	"	639.8	1,205.0	677.0	105.80	56.2
-	Thủy sản	"	1,051.6	2,268.0	1,125.4	107.02	49.6
b	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	25,384.2	65,509.0	27,275.6	107.45	41.6
-	Công nghiệp	"	17,560.3	44,272.0	18,852.3	107.36	42.6
-	Xây dựng	"	7,823.9	21,237.0	8,423.4	107.66	39.7
c	Dịch vụ	"	14,778.5	39,201.0	14,533.4	98.34	37.1
2	Thuế sản phẩm	"	5,753.2	14,088.0	5,867.1	101.98	41.6
II	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP						
	- Nông, lâm nghiệp, thủy	%	12.86	10.00	14.28		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	49.40	49.33	48.47		
	- Dịch vụ	%	27.92	31.50	27.09		
	- Thuế sản phẩm	%	9.82	9.24	10.16		
B	CHỈ TIÊU KINH TẾ						
I	Nông nghiệp						
I	Trồng trọt						
a	Diện tích gieo trồng vụ đông xuân	Ha	255,012	253,000	250,814	98.4	99.1
	+ Vụ đông	"	48,725	50,000	50,294	103.2	100.6
	+ Vụ chiêm xuân	"	206,287	203,000	200,520	97.2	98.8
b	Sản lượng lương thực vụ đông xuân	Tấn	922,264	884,400	893,438	96.9	101.0
	+ Vụ đông	"	78,011	69,500	71,467	91.6	102.8
	+ Vụ chiêm xuân	"	844,253	814,900	821,971	97.4	100.9
-	Lúa						
	+ Diện tích lúa chiêm xuân	Ha	118,247	116,000	116,191	98.3	100.2
	+ Năng suất	Tạ/ha	65.3	64.0	64.8	99.2	101.3
	+ Sản lượng	Tấn	772,153	742,400	752,918	97.5	101.4
-	Ngô đông xuân						
	+ Diện tích	Ha	31,947	31,200	29,521	92.4	94.6
	+ Năng suất	Tạ/ha	46.5	45.5	47.6	102.4	104.6
	+ Sản lượng	Tấn	148,585	142,000	140,520	94.6	99.0
	Trong đó: Vụ chiêm xuân						
	+ Diện tích	Ha	15,606	16,100	14,669	94.0	91.1
	+ Năng suất	Tạ/ha	46.2	45.0	47.1	101.9	104.7
	+ Sản lượng	Tấn	72,100	72,500	69,091	95.8	95.3
-	Lạc đông xuân						
	+ Diện tích	Ha	8,798	9,000	8,449	96.0	93.9
	+ Năng suất	Tạ/ha	21.8	21.0	22.0	100.9	104.8

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2019	KH năm 2020	Ước TH 6 tháng năm 2020	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
	+ Sản lượng	Tấn	19,223	18,900	18,554	96.5	98.2
-	<i>Đậu tương đông xuân</i>						
	+ Diện tích	Ha	687	1,000	493	71.8	49.3
	+ Năng suất	Tạ/ha	15.1	16.0	15.1	100.0	94.4
	+ Sản lượng	Tấn	1,039	1,600	744	71.6	46.5
2	<i>Chăn nuôi</i>						
-	Tổng đàn trâu	Con	180,683	195,000	180,839	100.1	92.7
-	Tổng đàn bò	"	249,522	265,000	250,471	100.4	94.5
-	Tổng đàn lợn	"	998,274	850,000	973,144	97.5	114.5
-	Tổng đàn gia cầm	Triệu con	19.9	21.0	20.97	105.3	99.8
-	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	110,550	240,000	112,997	102.2	47.1
3	<i>Lâm nghiệp</i>						
-	Diện tích bảo vệ rừng	Ha	598,573	600,836	600,836	100.4	100.0
-	Trồng rừng mới	"	4,532	10,000	4,515	99.6	45.2
-	Khai thác lâm sản						
	+ Gỗ	m3	336,072	800,000	400,000	119.0	50.0
	+ Tre luồng	Triệu cây	31.4	56	34.3	109.2	61.8
	+ Nguyên liệu giấy	Tấn	38,050	83,000	40,000	105.1	48.2
4	<i>Thủy sản</i>						
<i>a</i>	<i>Sản lượng thủy sản</i>	<i>Tấn</i>	<i>89,943</i>	<i>180,000</i>	<i>96,446</i>	<i>107.2</i>	<i>53.6</i>
-	Sản lượng khai thác	"	60,486	125,000	65,168	107.7	52.1
-	Sản lượng nuôi trồng	"	29,457	55,000	31,278	106.2	56.9
<i>b</i>	<i>Tổng diện tích nuôi trồng</i>		<i>19,000</i>	<i>19,500</i>	<i>19,500</i>	<i>102.6</i>	<i>100.0</i>
-	Diện tích nuôi trồng nước mặn lợ	Ha	5,397	5,350	5,350	99.1	100.0
-	Diện tích nuôi trồng nước ngọt	"	13,603	14,150	14,150	104.0	100.0
II	<i>Công nghiệp</i>						
1	Xi măng các loại	1.000 tấn	7,103	15,600	7,381	103.9	47.3
2	Clinker	1.000 tấn	1,198	3,000	1,160	96.8	38.7
3	Đường kết tinh	1.000 tấn	141	150	75.7	53.9	50.5
4	Bia các loại	1.000 lít	32,042	65,000	13,561	42.3	20.9
5	Thuốc lá bao	1.000 bao	123,214	265,000	73,291	59.5	27.7
6	Thủy sản đông lạnh chế biến	Tấn	21,656	46,000	24,171	111.6	52.5
7	Súc sản đông lạnh xuất khẩu	Tấn	1,331	2,800	1,429	107.4	51.0
8	Giày xuất khẩu	1.000 đôi	51,710	140,000	44,936	86.9	32.1
9	Quần áo may sẵn	1.000 cái	128,865	315,000	114,964	89.2	36.5
10	Giấy, bìa các loại	Tấn	22,229	50,000	22,406	100.8	44.8
11	Phân bón các loại	Tấn	154,095	330,000	150,808	97.9	45.7
12	Gạch xây	Tr. viên	697	1,500	712	102.1	47.5
13	Gạch lát nền vicenza	1.000 m2	2,852	6,000	2,530	88.7	42.2
14	Đá khai thác	1.000 m3	4,992	11,000	5,181	103.8	47.1
15	Đá ốp lát xây dựng	1.000 m2	11,594	25,000	12,813	110.5	51.3
16	Cát xây dựng	1.000 m3	3,466	7,500	3,782	109.1	50.4
17	Thức ăn gia súc	Tấn	65,294	140,000	69,352	106.2	49.5
18	Bao bì PP các loại	1.000 bao	53,235	180,000	113,706	2,1 lần	63.2
19	Nước máy sản xuất	1.000 m3	25,284	55,000	29,353	116.1	53.4
20	Tinh bột sắn	Tấn	35,138	50,000	28,383	80.8	56.8
21	Sữa các loại	1.000 lít	8,438	60,000	10,916	129.4	18.2
22	Ô tô tải các loại	Xe	844	1,500	36	4.3	2.4
23	Điện thương phẩm	Tr.Kwh	2,321	5,200	2,508	108.1	48.2

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2019	KH năm 2020	Ước TH 6 tháng năm 2020	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
24	Điện sản xuất	Tr.Kwh	3,198	7,000	2,873	89.8	41.0
25	Xăng các loại	1.000 Tấn	989.96	2,750	1,334.87	134.8	48.5
26	Dầu Diesel các loại	1.000 Tấn	1,689.65	3,000	2,026.61	119.9	67.6
27	Khí hóa lỏng	1.000 Tấn	14.38	90		-	-
28	Polypropylen	1.000 Tấn	101.72	280	218.30	2,1 lần	78.0
29	Paraxilene	1.000 Tấn	201.43	620	155.26	77.1	25.0
30	Benzen	1.000 Tấn	79.26	210	88.66	111.9	42.2
31	Lưu huỳnh rắn	1.000 Tấn	93.07	250	159.09	170.9	63.6
32	Dầu ăn	1.000 Tấn	12.47	60	26.15	2,1 lần	43.6
33	Thép	Tấn	1,339	800,000	285,018	213 lần	35.6
III	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	57,276	157,000	62,841	109.7	40.0
IV	Dịch vụ						
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	53,373	118,000	51,152	95.8	43.3
2	Xuất khẩu						
a	<i>Giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ</i>	<i>1.000 USD</i>	<i>1,759,379</i>	<i>4,000,000</i>	<i>1,558,820</i>	<i>88.6</i>	<i>39.0</i>
	- Xuất khẩu hàng hóa	"	1,678,685	3,855,000	1,484,430	88.4	38.5
	+ Xuất khẩu chính	"	1,648,574	3,761,000	1,461,460	88.6	38.9
	+ Xuất khẩu tiểu ngạch	"	30,111	94,000	22,970	76.3	24.4
	- Xuất khẩu dịch vụ	1.000 USD	66,679	145,000	62,550	93.8	43.1
b	<i>Mặt hàng xuất khẩu chính ngạch chủ yếu</i>						
	+ Dưa chuột đóng hộp	Tấn	223	450	326	146.2	72.4
	+ Súc sản xuất khẩu	"	575	1,400	475	82.6	33.9
	+ Chả cá Surimi	"	266	1,500	830	3,1 lần	55.3
	+ Hàng dệt may	1.000 SP	116,526	250,000	108,084	92.8	43.2
	+ Giấy xuất khẩu	1.000 đôi	63,168	120,000	44,781	70.9	37.3
	+ Đá ốp lát các loại	1.000 m2	595	10,000	1,364	2,3 lần	13.6
	+ Xi măng	Tấn	230,265	600,000	568,036	2,5 lần	94.7
	+ Lưu huỳnh	Tấn	108,770	200,000	143,086	131.5	71.5
	+ Benzen	Tấn	77,894	160,000	106,858	137.2	66.8
	+ Polypropylen	Tấn	248,888		314,708	126.4	
3	Du lịch						
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8,170	20,500	3,669	44.9	17.9
-	Tổng lượt khách	1.000 lượt khách	6,345	11,200	2,631	41.5	23.5
	<i>Trong đó: khách quốc tế</i>	"	<i>125.6</i>	<i>400.0</i>	<i>18.3</i>	<i>14.5</i>	<i>4.6</i>
4	Vận tải						
a	Vận tải hàng hoá						
-	Khối lượng vận chuyển	1.000 tấn	28,243	68,500	26,641	94.3	38.9
-	Khối lượng luân chuyển	1.000 T.km	1,340,928	4,100,000	1,239,592	92.4	30.2
b	Vận tải hành khách						
-	Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	25,239	65,000	18,265	72.4	28.1
-	Khối lượng luân chuyển	1.000 HK.km	1,509,868	3,310,000	1,132,743	75.0	34.2
c	Hàng hoá thông qua cảng	1.000 tấn	13,947	30,000	15,900	114.0	53.0
	<i>Trong đó: qua cảng Nghi Sơn</i>	"	<i>13,700</i>	<i>29,300</i>	<i>15,100</i>	<i>110.2</i>	<i>51.5</i>
d	Doanh thu ngành vận tải	Tỷ đồng	4,963	15,500	4,607	92.8	29.7

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2019	KH năm 2020	Ước TH 6 tháng năm 2020	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Bưu chính - viễn thông						
-	Số máy điện thoại phát triển	Thuê bao	171,600	2,890,000	2,900,000	1,690.0	100.3
	+ Cố định	"	1,600	40,000	38,000	2,375.0	95.0
	+ Di động	"	170,000	2,850,000	2,862,000	1,683.5	100.4
-	Mật độ điện thoại	Máy/100 dân	79.7	79.9	79.5	99.7	99.5
6	Thu - Chi ngân sách nhà nước						
-	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	13,897	28,967	14,485	104	50
	Trong đó: thu nội	"	8,394	19,567	8,457	100	43
-	Chi ngân sách nhà nước	"	14,870	35,261	17,257	116	49
C	CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI						
I	Y tế						
-	Số giường bệnh (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	10,600	13,206	13,206	124.6	100.0
-	Số giường bệnh/10.000 dân (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	29.4	36.0	36.0	122.4	100.0
-	Số bác sỹ/10.000 dân	Người	9.1	10.0	10.5	115.4	105.0
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới)	%	87.5	90.0	91.9		
-	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1	‰	12.0	11.0	11.3		
-	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5	‰	17.0	16.0	16.3		
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy sinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	15.6	14.6	15.0		
-	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	85.0	90.0	89.8		
II	Lao động và việc làm						
-	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Người	47,250	69,000	16,500	34.9	23.9
-	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	30,097	86,700	22,908	76.1	26.4
-	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	4,775	10,000	3,100	64.9	31.0
III	Văn hoá, Thể thao, Phát thanh - truyền hình						
1	Văn hoá						
-	Tổng số báo chí xuất bản	1.000 bản	2,226	4,836	2,117	95.1	43.8
-	Số di tích được tu bổ	Di tích	-	30	37		123.3
-	Tổng số làng, thôn bản, tổ dân phố đăng ký xây dựng văn hóa	Làng, bản, kp	3,257	3,260	3,781	116.1	116.0
	Trong đó: đăng ký công nhận danh hiệu văn hóa	"	600	20	501	83.5	2,505.0
-	Tổng số cơ quan, đơn vị, DN đăng ký XD đạt chuẩn văn hóa	CQ, ĐV, DN	3,185	3,355	3,355	105.3	100.0
	Trong đó: khai trương mới	"	221	170	170	76.9	100.0

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2019	KH năm 2020	Ước TH 6 tháng năm 2020	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Tổng số xã đăng ký XD đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	Xã	427	447	447	104.7	100.0
	<i>Trong đó: khai trương mới</i>	Xã	41	20	20	48.8	100.0
2	Thể thao						
-	Tỷ lệ dân số tập luyện thể thao thường xuyên	%	41.0	43.0	42.2		
-	Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao	%	28,8	30.0	29.4		
-	Tỷ lệ trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất	%	100	100	100		
-	Số VĐV cấp tỉnh đào tạo tập trung	VĐV	500	500	694	138.8	138.8
3	Phát thanh, truyền hình						
-	Số giờ tiếp sóng Đài tiếng nói Việt Nam	Giờ/năm	3,467	6,935	3,467	100.0	50.0
-	Số giờ phát sóng phát thanh chương trình địa phương	Giờ/năm	2,615	5,230	2,615	100.0	50.0
	<i>Trong đó: Phát tiếng dân tộc</i>	Giờ/năm	213	426	213	100.0	50.0
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng phát thanh	%	100	100	100		
-	Số giờ phát sóng truyền hình chương trình địa phương	Giờ/năm	3,439	6,935	3,439	100.0	49.6
	<i>Trong đó: Phát tiếng dân tộc</i>	Giờ/năm	213	426	213	100.0	50.0
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng truyền hình	%	100	100	100		
IV	Giáo dục, đào tạo						
1	Số xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	635	559	559	88.0	100.0
	- Tỷ lệ xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%	100	100	100	100.0	100.0
2	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1,400	1,487	1,504	107.4	101.1
	+ Mầm non	"	446	470	482	108.1	102.6
	+ Tiểu học	"	545	545	558	102.4	102.4
	+ Trung học cơ sở	"	18	30	23	127.8	76.7
	+ TH& THCS	"	359	400	403		100.8
	+ Trung học phổ thông	"	32	42	38	118.8	90.5
3	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	67,6	72.2	73.9		
4	Tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá	"	87,7	87.7	87.7		
V	Quốc phòng - an ninh						
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	70	70	70		

Biểu số 2:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2020	Ước TH 6 tháng 2020	Ước TH 6 tháng/Kế hoạch (%)	Mục tiêu phần đầu 6 tháng cuối năm 2020	Ghi chú
I	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ						
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh năm 2010)	%	12.5	3.70		15.70	
2	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP						
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	12.7	14.3			
	- Công nghiệp và xây dựng	%	48.8	48.5			
	- Dịch vụ	%	28.5	27.1			
	- Thuế sản phẩm	%	10.0	10.2			
3	GRDP bình quân đầu người	USD	2,670				Chi thống kê cả năm
4	Tổng sản lượng lương thực	Nghìn tấn	1,500	893.4	59.6	606.6	
5	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	4,000	1,558.8	39.0	2,441.2	
6	Tổng huy động vốn đầu tư trên địa bàn	Tỷ đồng	157,000	62,841	40.0	94,159.1	
7	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	28,967	14,485	50.0	14,482	
8	Xây dựng nông thôn mới	Huyện, xã	02 huyện, 30 xã NTM và 15 xã NTM nâng cao			02 huyện, 30 xã NTM và 15 xã NTM nâng cao	
9	Số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm	Doanh nghiệp	3,000	1,321	44.0	1,679	
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%	35				Chi thống kê cả năm
II	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI						
1	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	35.0				Chi thống kê cả năm
2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	90.0	91.9			
3	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	69,000	16,500	23.9	52,500	
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	72.2	73.9			Duy trì
5	Tốc độ tăng dân số	%	Dưới 1%				Chi thống kê cả năm
6	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ /10.000 dân	10.0	10.5			
7	Số giường bệnh/10.000 dân	GB/10.000 dân	36.0	36.0			
8	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế/tổng số dân	%	90.0	89.3			
9	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	70				Chi thống kê cả năm
10	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 2,26%/năm trở lên				Chi thống kê cả năm
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG						
1	Tỷ lệ che phủ rừng.	%	53.46				Chi thống kê cả năm
2	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	%	95				- nt -
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	96				- nt -

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2020	Ước TH 6 tháng 2020	Ước TH 6 tháng/Kế hoạch (%)	Mục tiêu phấn đấu 6 tháng cuối năm 2020	Ghi chú
4	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	80				- nt -
5	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	100				- nt -
IV	CHỈ TIÊU VỀ AN NINH TRẬT TỰ						
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	70	70			

Biểu số 3:

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Thực hiện 6 tháng 2019	KH năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng 2020	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	KH 2020
	TỔNG SỐ	1,292	3,000	1,321	102.2	44.0
I	Vùng đồng bằng	903	1,965	911	100.9	46.4
1	Thành phố Thanh Hoá	551	1,200	577	104.7	48.1
2	Thị xã Bim Sơn	33	100	43	130.3	43.0
3	Huyện Thọ Xuân	114	180	85	74.6	47.2
4	Huyện Đông Sơn	25	60	30	120.0	50.0
5	Huyện Nông Cống	37	75	29	78.4	38.7
6	Huyện Triệu Sơn	27	80	49	181.5	61.3
7	Huyện Hà Trung	21	70	24	114.3	34.3
8	Huyện Yên Định	45	90	30	66.7	33.3
9	Huyện Thiệu Hoá	18	60	23	127.8	38.3
10	Huyện Vĩnh Lộc	32	50	21	65.6	42.0
II	Vùng ven biển	261	650	280	107.3	43.1
1	Thành phố Sầm Sơn	54	130	65	120.4	50.0
2	Huyện Tĩnh Gia	66	160	80	121.2	50.0
3	Huyện Hậu Lộc	28	60	23	82.1	38.3
4	Huyện Hoằng Hoá	53	130	40	75.5	30.8
5	Huyện Quảng Xương	28	110	42	150.0	38.2
6	Huyện Nga Sơn	32	60	30	93.8	50.0
III	Vùng miền núi	128	385	130	101.6	33.8
1	Huyện Thạch Thành	22	60	32	145.5	53.3
2	Huyện Cẩm Thuý	25	55	27	108.0	49.1
3	Huyện Ngọc Lặc	16	60	20	125.0	33.3
4	Huyện Lang Chánh	5	25	2	40.0	8.0
5	Huyện Như Xuân	7	30	10	142.9	33.3
6	Huyện Như Thanh	19	35	9	47.4	25.7
7	Huyện Thường Xuân	9	30	6	66.7	20.0
8	Huyện Bá Thước	13	25	10	76.9	40.0
9	Huyện Quan Hoá	10	25	8	80.0	32.0
10	Huyện Quan Sơn	2	25	4	200.0	16.0
11	Huyện Mường Lát	-	15	2	-	13.3